

Báo cáo Thị trường Thép

Tháng 2 2026

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường thép thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	04
2. Thương mại	05
3. Giá thép	06
4. Dự báo	08
Phần II: Thị trường thép Trung Quốc	09
1. Sản lượng	09
2. Xuất nhập khẩu, tồn kho	10
3. Diễn biến giá	11
Phần III: Thị trường thép Việt Nam	13
1. Nguồn cung	13
2. Diễn biến giá	18
3. Dự báo	20
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	21
Phụ lục	24

Viết tắt, giải nghĩa

CISA: Hiệp hội Thép Trung Quốc

Eurofer: Hiệp hội thép châu Âu

HRC: Thép cuộn cán nóng

SHFE: Sở giao dịch Hàng hóa
Thượng Hải

VCCI: Liên đoàn Thương mại và Công
nghiệp Việt Nam

VSA: Hiệp hội Thép Việt Nam

Worldsteel: Hiệp hội Thép Thế giới

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Sản lượng thép thô toàn cầu tháng 2/2026 đạt 141,8 triệu tấn, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2025. Trong khi Trung Quốc giảm 3,6% và Nga giảm 10,2%, các quốc gia như Ấn Độ và Mỹ lại ghi nhận mức tăng trưởng tích cực lần lượt là 7,7% và 5,8%.
- Anh chính thức nâng gấp đôi thuế nhập khẩu thép vượt hạn ngạch lên mức 50% (từ mức 25% trước đó) nhằm bảo hộ ngành sản xuất nội địa và đưa mức thuế tương đồng với Mỹ và EU.
- Thị trường thép cán nóng (HRC) thế giới có sự phân hóa: Giá HRC tại EU đạt 665 euro/tấn và Mỹ vượt ngưỡng 1.000 USD/tấn (tăng khoảng 2,4 - 7,3%) nhờ chính sách giá tích cực của các nhà máy và tác động từ cơ chế CBAM. Ngược lại, giá tại Trung Quốc đi ngang ở mức 472 USD/tấn do nhu cầu yếu và ảnh hưởng từ kỳ nghỉ Tết.
- Sản lượng thép Trung Quốc 2 tháng đầu năm đạt 160,3 triệu tấn, giảm 3,6%. Tồn kho quặng sắt tại các cảng Trung Quốc ghi nhận mức cao kỷ lục kể từ năm 2012 với hơn 169 triệu tấn, gây áp lực kim hãm đà tăng giá nguyên liệu.
- Thị trường thép Việt Nam 2 tháng đầu năm 2026 tăng trưởng tích cực với sản lượng thép thành phẩm đạt 5,427 triệu tấn (+22%) và bán hàng đạt 5,26 triệu tấn (+17,4%).
- Thép xây dựng nội địa là điểm sáng lớn nhất với tiêu thụ tăng đột biến 39%, trong đó thị trường trong nước chiếm 91% tỷ trọng nhờ sự thúc đẩy từ giải ngân đầu tư công và các dự án hạ tầng.
- Giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh: Trong khi quặng sắt tháng 2 giảm 5,2%, thì giá than mỡ luyện coke tăng vọt 32,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt bình quân 250,1 USD/tấn, gây áp lực lớn lên chi phí sản xuất.
- Ngành thép Việt Nam năm 2026 dự báo tăng trưởng từ 8 - 10%, với sản lượng thép thành phẩm đạt khoảng 33 - 34,5 triệu tấn. Động lực chính đến từ kế hoạch giải ngân hơn 1 triệu tỷ đồng vốn đầu tư công và sự phục hồi của bất động sản dân dụng.
- Giá thép xây dựng nội địa được dự báo có thể sớm chạm mốc 16 triệu đồng/tấn trong quý II/2026 do đà tăng giá nguyên liệu và chi phí logistics leo thang sau xung đột Trung Đông.
- Xung đột tại Trung Đông có thể tác động tiêu cực đến doanh nghiệp thép thông qua việc đẩy giá nguyên liệu tăng cao, chi phí vận tải biển tăng vọt do bất ổn tại Eo biển Hormuz và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này làm tăng chi phí sản xuất, gây áp lực đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Phần I: THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

Trong tháng 2, sản lượng thép thô toàn cầu đạt 141,8 triệu tấn, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước, với sự sụt giảm tại Trung Quốc nhưng tăng trưởng ở Ấn Độ và Mỹ. Về thương mại, Anh chính thức nâng gấp đôi thuế nhập khẩu thép vượt hạn ngạch lên 50% nhằm bảo hộ sản xuất nội địa. Giá thép HRC tăng mạnh tại EU và Mỹ nhờ chính sách giá của các nhà máy và tác động từ cơ chế CBAM.

1 Sản lượng, tiêu thụ

Sản lượng thép thô toàn cầu

Sản lượng thép thô thế giới giảm 2,2% trong tháng 2 năm 2026

Theo số liệu từ **Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel)**, tổng sản lượng thép thô toàn cầu của 69 quốc gia báo cáo cho tổ chức này đạt **141,8 triệu tấn** trong tháng 2 năm 2026, ghi nhận mức giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Sản lượng thép thô theo khu vực

Trong tháng 2, diễn biến sản lượng tại các khu vực có sự phân hóa rõ rệt. **Châu Phi** sản xuất được 2,0 triệu tấn, tăng 4,7% so với tháng 2 năm 2025. Ngược lại, khu vực **Châu Á và Châu Đại Dương** ghi nhận sản lượng 105,3 triệu tấn, giảm 1,9%. Tại **Liên minh Châu Âu (EU - 27 nước)**, sản lượng đạt 9,8 triệu tấn, giảm 3,6%. Các quốc gia **Châu Âu khác** đạt 3,4 triệu tấn, tăng 3,1%.

Khu vực **Trung Đông** ghi nhận mức tăng nhẹ 0,1% với sản lượng 3,7 triệu tấn. **Bắc Mỹ** sản xuất được 8,5 triệu tấn, tăng 0,5%. Tuy nhiên, khu vực **Nga, các quốc gia SNG khác và Ukraine** chứng kiến mức giảm sâu 10,5%, đạt 6,0 triệu tấn. Tương tự, **Nam Mỹ** đạt sản lượng 3,1 triệu tấn, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm ngoái (**Bảng 1**).

Bảng 1: Sản lượng thép thô theo khu vực

Nguồn: Worldsteel.

STT	Khu vực	Tháng 2/2026 (triệu tấn)	% thay đổi so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 (triệu tấn)	% thay đổi so với cùng kỳ năm trước
1	Châu Phi	2,0	▲ 4,7%	4,1	▲ 5,3%
2	Châu Á & châu Đại Dương	105,3	▼ 1,9%	222,0	▼ 1,4%
3	EU (27)	9,8	▼ 3,6%	20,1	▼ 3,1%
4	Châu Âu khác	3,4	▲ 3,1%	7,1	▲ 3,4%
5	Trung Đông	3,7	▲ 0,1%	8,5	▲ 6,8%
6	Bắc Mỹ	8,5	▲ 0,5%	17,6	▼ 0,1%
7	Nga, các nước SNG + Ukraine	6,0	▼ 10,5%	12,4	▼ 9,7%
8	Nam Mỹ	3,1	▼ 7,7%	6,5	▼ 4,3%
Tổng	69 quốc gia	141,8	▼ 2,2%	298,2	▼ 1,5%

Top 10 quốc gia sản xuất thép hàng đầu

Về thứ hạng các quốc gia, Trung Quốc ước tính đã sản xuất 76,1 triệu tấn trong tháng 2/2026, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm 2025. Ấn Độ duy trì đà tăng trưởng mạnh với 13,6 triệu tấn, tăng 7,7%. Mỹ đạt 6,5 triệu tấn, tăng 5,8%. Trong khi đó, sản lượng của Nhật Bản ổn định ở mức 6,4 triệu tấn, tương đương với tháng 2 năm 2025.

Nga ước tính đạt 5,0 triệu tấn, giảm 10,2%. Hàn Quốc tăng nhẹ 0,2% đạt 4,8 triệu tấn. Các quốc gia khác trong nhóm dẫn đầu gồm: Thổ Nhĩ Kỳ đạt 3,0 triệu tấn (tăng 3,4%), Đức đạt 2,8 triệu tấn (tăng 4,8%), Brazil đạt 2,5 triệu tấn (giảm 5,7%) và Iran ước tính đạt 1,7 triệu tấn (giảm 1,3%) **(Bảng 2)**.

2 Thương mại

Anh chính thức nâng gấp đôi thuế nhập khẩu thép vượt hạn ngạch

Reuters dẫn thông tin từ chính phủ Anh cho biết nước này sẽ giảm hạn ngạch nhập khẩu thép được miễn thuế và tăng gấp đôi mức thuế đối với lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch, qua đó khởi động kế hoạch bảo vệ ngành thép quy mô nhỏ nhưng có ý nghĩa chiến lược và chính trị.

Các nhà sản xuất thép đã gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì hoạt động sau nhiều thập kỷ suy giảm do quá trình phi công nghiệp hóa kéo dài, cùng với đó là chi phí năng lượng cao và tình trạng dư cung thép giá rẻ trên toàn cầu trong thời gian gần đây.

Chính phủ sẽ cắt giảm 60% lượng thép có thể nhập khẩu mà không phải chịu thuế. Phần nhập khẩu vượt mức mới này sẽ chịu thuế 50%, gấp đôi mức 25% trước đó. Các thay đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 1/7.

Động thái này đưa mức thuế của Anh tương đồng với các đợt tăng thuế gần đây tại Mỹ và các đề xuất của Liên minh châu Âu, trong bối cảnh căng thẳng thương mại toàn cầu gia tăng khi Tổng thống Donald Trump sử dụng các biện pháp thương mại nhằm thúc đẩy chương trình “Nước Mỹ trên hết”.

Chính phủ Anh cũng cho biết Quỹ Tài sản Quốc gia sẽ cung cấp tối đa 2,5 tỷ bảng Anh (3,33 tỷ USD) để hỗ trợ tài chính cho đầu tư trong ngành. Đồng thời, nước này đặt mục tiêu 50% lượng thép sử dụng tại Anh sẽ được sản xuất trong nước, tăng so với mục tiêu hiện tại là 30%.

Bảng 2: Top 10 quốc gia sản xuất thép lớn nhất

Nguồn: Worldsteel.

STT	Quốc gia	Tháng 2/2026 (triệu tấn)	% thay đổi so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 (triệu tấn)	% thay đổi so với cùng kỳ năm trước
1	Trung Quốc (ước tính)	76,1	▼ 3,6%	160,3	▼ 3,6%
2	Ấn Độ	13,6	▲ 7,7%	28,9	▲ 9,7%
3	Hoa Kỳ	6,5	▲ 5,8%	13,7	▲ 4,9%
4	Nhật Bản	6,4	▲ 0,0%	13,1	▼ 0,3%
5	Nga (ước tính)	5,0	▼ 10,2%	10,5	▼ 9,0%
6	Hàn Quốc	4,8	▲ 0,2%	10,4	▲ 2,5%
7	Thổ Nhĩ Kỳ	3,0	▲ 3,4%	6,4	▲ 4,7%
8	Đức	2,8	▲ 4,8%	5,9	▲ 9,9%
9	Brazil	2,5	▼ 5,7%	5,3	▼ 3,4%
10	Iran (ước tính)	1,7	▼ 1,3%	4,3	▲ 7,9%

Ngành thép chỉ chiếm 0,1% tổng sản lượng kinh tế của Anh trong năm 2024 nhưng tạo ra 37.000 việc làm, đa phần tập trung tại các khu vực trọng điểm của Đảng Lao động cầm quyền, vốn có nguồn gốc từ phong trào công đoàn gắn liền với di sản công nghiệp của Anh.


Hai trong số các nhà sản xuất thép lớn nhất nước này đã gặp khó khăn tài chính trong những năm gần đây.

Tata Steel đã đóng cửa các lò cao tại Port Talbot, trong khi chính phủ buộc phải tiếp quản British Steel để ngăn chặn việc đóng cửa nhà máy tại Scunthorpe dưới quyền sở hữu của tập đoàn Trung Quốc Jingye, đồng thời phải gánh chịu chi phí lớn trong quá trình này.

3 Giá thép

Tại Liên minh châu Âu, hoạt động thu mua bị kìm hãm bởi lượng hàng tồn kho được tích trữ trước khi Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) được áp dụng hoàn toàn.

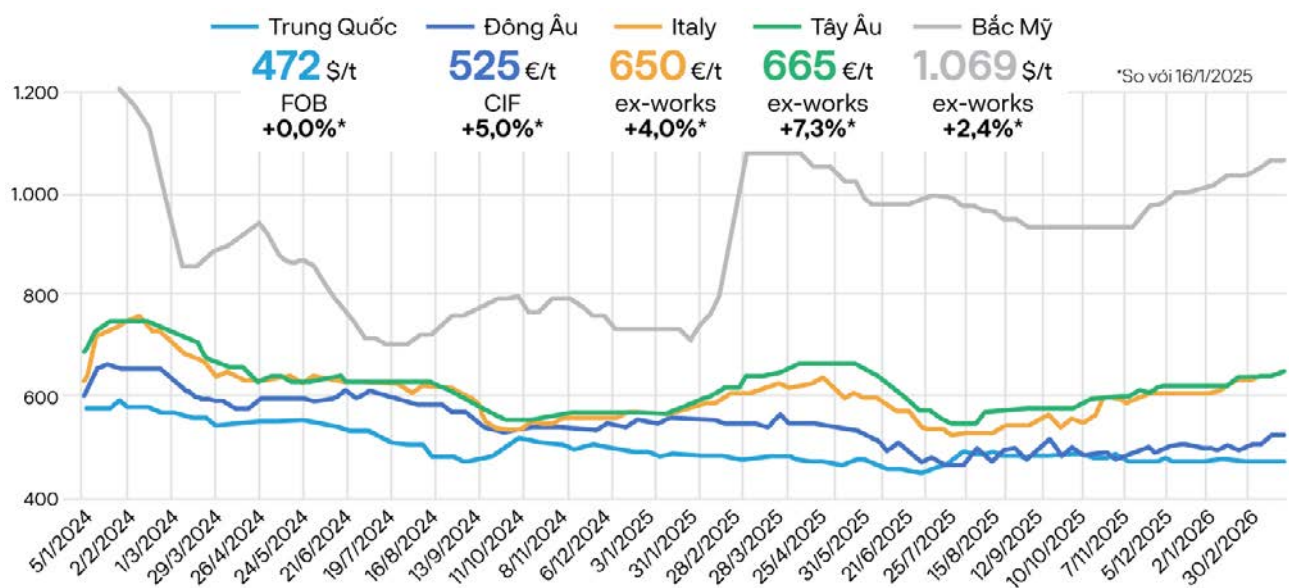
Thị trường thép cuộn cán nóng (HRC) toàn cầu trong tháng 2/2026 tiếp tục xu hướng tăng bắt đầu từ tháng 1. Giá chào hàng tại châu Âu đã tăng 25-45 euro/tấn kể từ đầu năm và tại Mỹ là 50 USD/tấn. Cùng lúc đó, Trung Quốc lại đi ngược xu hướng này với mức tăng chỉ 2 USD/tấn (**Biểu đồ 1**).

 **Châu Âu:** Vào tháng 2, giá thép cuộn cán nóng trên thị trường Liên minh châu Âu đã tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 5 năm 2025. Cụ thể, tính đến ngày 20 tháng 2, giá chào hàng tại Tây Âu đạt 665 euro/tấn (giá xuất xưởng), tăng 7,3% so với ngày 16 tháng 1, trong khi tại Ý, giá đạt 650 euro/tấn (giá xuất xưởng, tăng 4%). Giá chào hàng nhập khẩu tại Nam Âu cũng tăng 5%, lên 525 euro/tấn (giá CIF). Đồng thời, giá các sản phẩm nhập khẩu được dự đoán sẽ sớm giảm.

Trong suốt tháng, thị trường chịu ảnh hưởng bởi chính sách giá tích cực của các nhà sản xuất. Sau các đợt tăng giá vào cuối tháng 1, các nhà máy, đặc biệt là các công ty dẫn đầu thị trường, đã liên tục công bố các mức tăng

Biểu đồ 1: Diễn biến giá thép HRC tại một số khu vực từ 2024 đến tháng 2/2026

Nguồn: GMK Center.



mới – lên tới 50 euro/tấn, hình thành một mức giá tham chiếu trên 700 euro/tấn với thời gian giao hàng vào tháng 5. Chiến thuật tạm dừng bán hàng và rút ngắn thời gian chào giá đã cho phép các nhà máy kiểm tra sự sẵn lòng chấp nhận mức giá cao hơn của người mua, ngay cả khi nhu cầu yếu.

Cùng lúc đó, lượng hàng tồn kho tại các nhà kho, được hình thành do hoạt động thu mua tích cực trước khi CBAM được áp dụng, đã kìm hãm hoạt động kinh doanh thực tế. Hoạt động nhập khẩu tại Nam Âu bị hạn chế bởi sự không chắc chắn về chi phí của cơ chế và hạn ngạch, mặc dù một số chào hàng từ Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Đông vẫn còn sức cạnh tranh.

Các cuộc đàm phán về hợp đồng dài hạn tại Đức là một sự kiện quan trọng: mức tăng 45-60 euro/tấn đã thiết lập một mức giá cơ sở mới, hỗ trợ cho các kỳ vọng trên thị trường giao ngay.

Trong thời gian tới, thị trường sẽ tìm kiếm một mức giá ổn định, có thể chấp nhận được. Với lượng hàng tồn kho giảm dần và thời gian giao hàng kéo dài, giá có thể sẽ ổn định trong tháng 3, nhưng nhu cầu yếu từ người dùng cuối và khả năng giá nhập khẩu rẻ hơn sẽ hạn chế tiềm năng tăng trưởng hơn nữa.



Mỹ: Tại Mỹ, giá thép cuộn cán nóng đã đạt mức cao nhất kể từ tháng 2 năm 2024 và duy trì trên 1.000 USD/tấn trong khoảng hai tháng. Tính đến ngày 20 tháng 2 năm 2026, giá chào hàng ở mức 1.069 USD/tấn (giá xuất xưởng), tăng 2,4% so với ngày 16 tháng 1 và 4,9% kể từ đầu năm.

Trong suốt tháng 2, động lực chính của thị trường là chính sách giá nhất quán của các nhà sản xuất, chủ yếu là Nucor, đã tăng giá chào hàng chính thức thêm 5 USD/tấn trong

năm tuần liên tiếp và thêm 10 USD/tấn vào cuối tháng. Điều này đã giúp kéo mức giá giao ngay lên và củng cố kỳ vọng về sự tăng trưởng hơn nữa.

Giá cả còn được hỗ trợ thêm bởi sự gián đoạn nguồn cung do các cơn bão mùa đông, sự chậm trễ trong việc vận chuyển và tình trạng thiếu hụt phôi thép tại một số nhà sản xuất. Một số nhà máy không chào hàng giao ngay hoặc chậm trễ trong việc thực hiện đơn hàng, điều này đã chuyển dịch nhu cầu sang các nhà cung cấp ổn định hơn. Hoạt động nhập khẩu vẫn còn hạn chế, và các chào hàng từ châu Á không tạo ra áp lực đáng kể do các vấn đề về logistics và thuế hải quan.

Cùng lúc đó, nhu cầu tăng trưởng ở mức độ vừa phải – hoạt động trong lĩnh vực ô tô vẫn còn yếu, ngành xây dựng phụ thuộc vào thời tiết, nhưng sản lượng thép và công suất sử dụng đã dần tăng lên.

Thị trường được dự kiến sẽ duy trì động lực tương tự cho đến tháng 3, nhưng lượng hàng tồn kho tích trữ tại các trung tâm dịch vụ và các yếu tố mùa vụ tạo ra nguy cơ trì trệ hoặc điều chỉnh trong quý hai.



Trung Quốc: Tại Trung Quốc, giá cả vẫn ổn định kể từ cuối tháng 1 ở mức 472 USD/tấn (giá FOB). Hiện tại, giá chào hàng cao hơn 2 USD/tấn so với cuối năm 2025.

Vào tháng 2, thị trường vẫn chịu áp lực từ nhu cầu yếu trước Tết Nguyên đán và lượng hàng tồn kho tăng. Hợp đồng tương lai thép cuộn cán nóng trên Sàn giao dịch Thượng Hải đã giảm dần xuống mức thấp nhất trong quý, trong khi giá giao ngay điều chỉnh nhẹ. Hoạt động đã giảm ngay cả trước khi kỳ nghỉ lễ bắt đầu.

Giá xuất khẩu phần lớn vẫn ổn định nhờ các thỏa thuận cung cấp với Trung Đông và sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp. Hỗ trợ thêm đến từ sự biến động của thị trường hàng hóa và yếu tố than cốc.

Sau kỳ nghỉ lễ, có khả năng sẽ có một sự phục hồi ngắn hạn trong hoạt động, nhưng động lực nhu cầu trong nước yếu sẽ hạn chế tiềm năng tăng trưởng.

4 Dự báo

Trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng thị trường quặng sắt thế giới sẽ tiếp tục biến động trong biên độ quanh mức hiện tại (dao động quanh vùng 107–108 USD/tấn). Đà tăng trưởng của giá quặng sắt chịu tác động bởi sự đan xen giữa các yếu tố hỗ trợ và rào cản kim hãm:

Các yếu tố hỗ trợ giá: Giá quặng dự kiến sẽ được nâng đỡ bởi rủi ro gián đoạn nguồn cung

từ Australia do yếu tố thời tiết và sự không chắc chắn trong các lô hàng từ BHP sang Trung Quốc. Thêm vào đó, chi phí năng lượng và logistics tăng cao do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông cũng tạo thêm áp lực tăng giá đối với các lô hàng vận chuyển bằng đường biển. Về phía cầu, kỳ vọng về mùa xây dựng cao điểm và các tín hiệu chính sách tích cực từ Trung Quốc (mục tiêu tăng trưởng GDP 4,5–5%, tăng chi tiêu công) vẫn củng cố tâm lý lạc quan của thị trường.

Các yếu tố kim hãm đà tăng: Tiềm năng bứt phá của giá quặng sắt vẫn rất hạn chế do lượng tồn kho tại các cảng Trung Quốc đang ở mức cực cao (đạt hơn 169 triệu tấn, mức cao nhất kể từ năm 2012). Ngoài ra, biên lợi nhuận của các nhà máy thép duy trì ở mức thấp khiến họ ưu tiên chiến lược mua hàng thận trọng, không tích cực gia tăng tích trữ. Sự suy yếu kéo dài của thị trường bất động sản Trung Quốc cũng là một rào cản lớn đối với nhu cầu tiêu thụ thực tế. ■

Phần II: THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC

1 Sản lượng

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), trong hai tháng đầu năm 2026, sản lượng thép thô của Trung Quốc đạt 160,3 triệu tấn, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gang đạt 137,7 triệu tấn, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước, trong khi thép cuộn đạt 221,2 triệu tấn, giảm nhẹ 1,1%. Mức suy giảm này một phần xuất phát từ yếu tố truyền thống khi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và các biện pháp kiểm soát ô nhiễm trước kỳ họp chính trị tháng 3 thường khiến hoạt động sản xuất chậm lại trong giai đoạn đầu năm. Tuy nhiên, yếu tố đáng chú ý hơn là việc các nhà máy thép không tích trữ hàng tồn kho như thông lệ trước mùa cao điểm, điều này phản ánh tâm lý thận trọng của thị trường do lo ngại về triển vọng nhu cầu trong năm 2026.

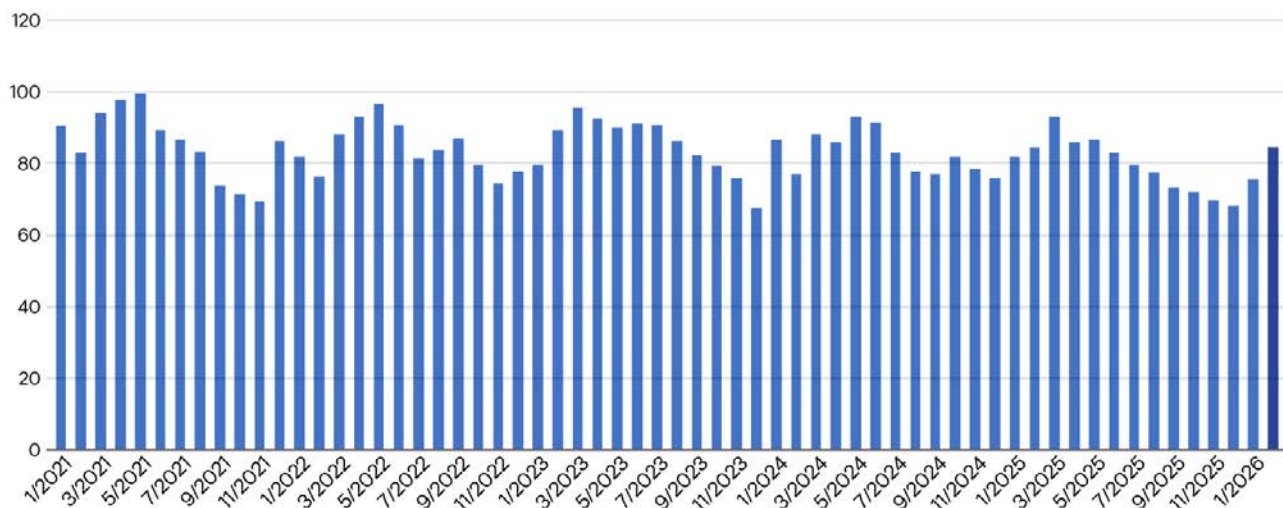
Xu hướng suy giảm sản lượng đã bắt đầu từ năm 2025, khi tổng sản lượng thép cả năm của Trung Quốc đạt 960,81 triệu tấn, giảm

4,4% so với năm 2024 và xuống mức thấp nhất kể từ năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là cuộc khủng hoảng kéo dài của thị trường bất động sản, làm suy yếu đáng kể nhu cầu tiêu thụ thép trong nước. Trong bối cảnh đó, Trung Quốc đang đẩy mạnh chính sách kiểm soát công suất ngành thép đến năm 2026 nhằm cân bằng cung và cầu, hạn chế cạnh tranh dư thừa và nâng cao hiệu quả ngành. Chính sách này không chỉ tập trung vào việc cắt giảm sản lượng mà còn hướng tới hiện đại hóa công nghệ, cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm phát thải carbon.

Trong một diễn biến đáng chú ý khác, nhập khẩu quặng sắt vẫn tăng dù sản lượng thép giảm. Điều này cho thấy nhu cầu thực tế từ sản xuất chưa phục hồi tương ứng, trong khi lượng quặng nhập khẩu chủ yếu được sử dụng để tích trữ, tạo ra sự lệch pha giữa cung nguyên liệu và nhu cầu tiêu thụ thực tế của ngành thép (**Biểu đồ 2**).

Biểu đồ 2: Diễn biến sản lượng thép Trung Quốc

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: NBS.



2 Xuất nhập khẩu, tồn kho

Trong 2 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu thép của Trung Quốc đạt 15,59 triệu tấn, giảm 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nếu xét riêng tháng 2/2026, khối lượng xuất khẩu đạt 7,84 triệu tấn, tăng 1,1% so với tháng trước, cho thấy sự cải thiện nhẹ sau giai đoạn trầm lắng đầu năm. Giá xuất khẩu bình quân trong tháng 2 đạt 729,1 USD mỗi tấn, tăng 6,7% so với tháng trước, phản ánh sự phục hồi nhất định của giá trên thị trường quốc tế cũng như các chi phí liên quan.

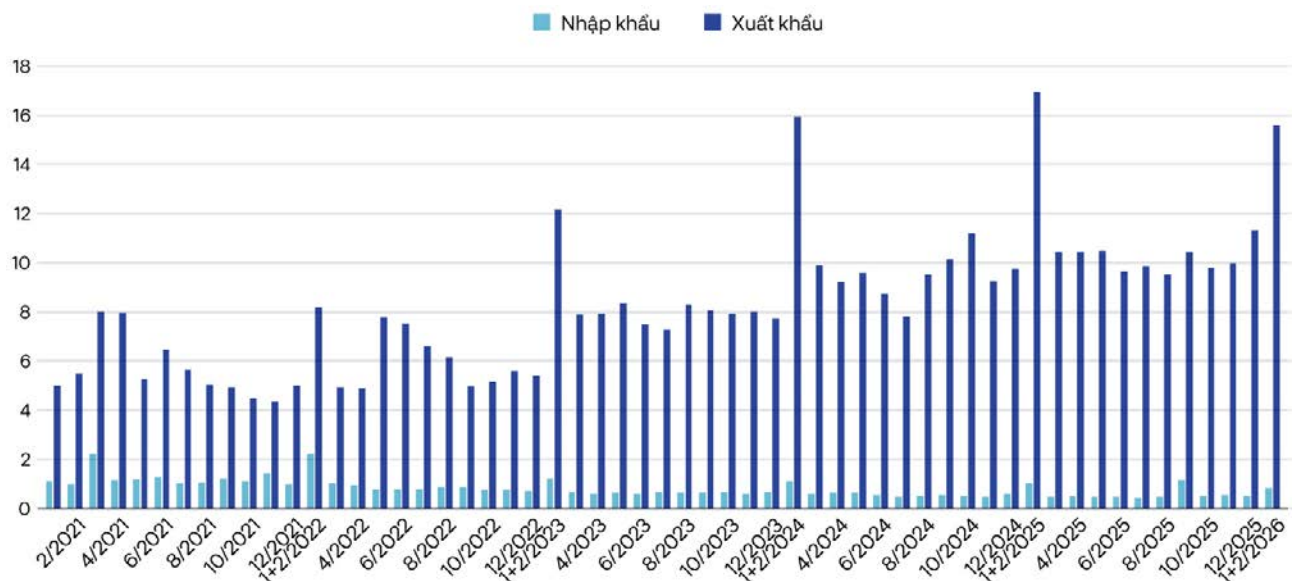
Ở chiều ngược lại, nhập khẩu thép trong 2 tháng đầu năm chỉ đạt 827.000 tấn, giảm mạnh 21,7% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy nhu cầu trong nước vẫn yếu và chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Đối với quặng sắt, Trung Quốc nhập khẩu 210,02 triệu tấn trong 2 tháng đầu năm, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, riêng trong tháng 2, lượng nhập khẩu đạt 97,64 triệu tấn, giảm 13% so với tháng trước, chủ yếu do yếu tố mùa vụ và sự chậm lại trong hoạt động vận chuyển (**Biểu đồ 3**).

Điểm đáng chú ý là phần lớn lượng quặng sắt nhập khẩu không được đưa vào sản xuất ngay mà được tích trữ tại các cảng. Tồn kho quặng sắt đã tăng lên khoảng 166,9 triệu tấn, tăng khoảng 28% so với mức thấp gần nhất vào tháng 8/2025 và đạt mức cao nhất kể từ năm 2012. Xu hướng này được thúc đẩy bởi việc giá quặng sắt ở mức thấp trong giai đoạn đầu năm, nguồn cung dồi dào từ các nước xuất khẩu lớn như Australia và Brazil, cũng như chiến lược chủ động dự trữ nhằm phòng ngừa rủi ro gián đoạn nguồn cung. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng đã triển khai cơ chế cấp phép xuất khẩu đối với nhiều sản phẩm thép trong năm 2026 nhằm kiểm soát dòng chảy thương mại và ổn định thị trường nội địa.

Tính tại ngày 12/3/2026, lượng quặng sắt tồn kho tại các cảng lớn Trung Quốc ghi nhận hơn 169 triệu tấn, duy trì xu hướng tăng từ đầu tháng 9/2025 (**Biểu đồ 4**).

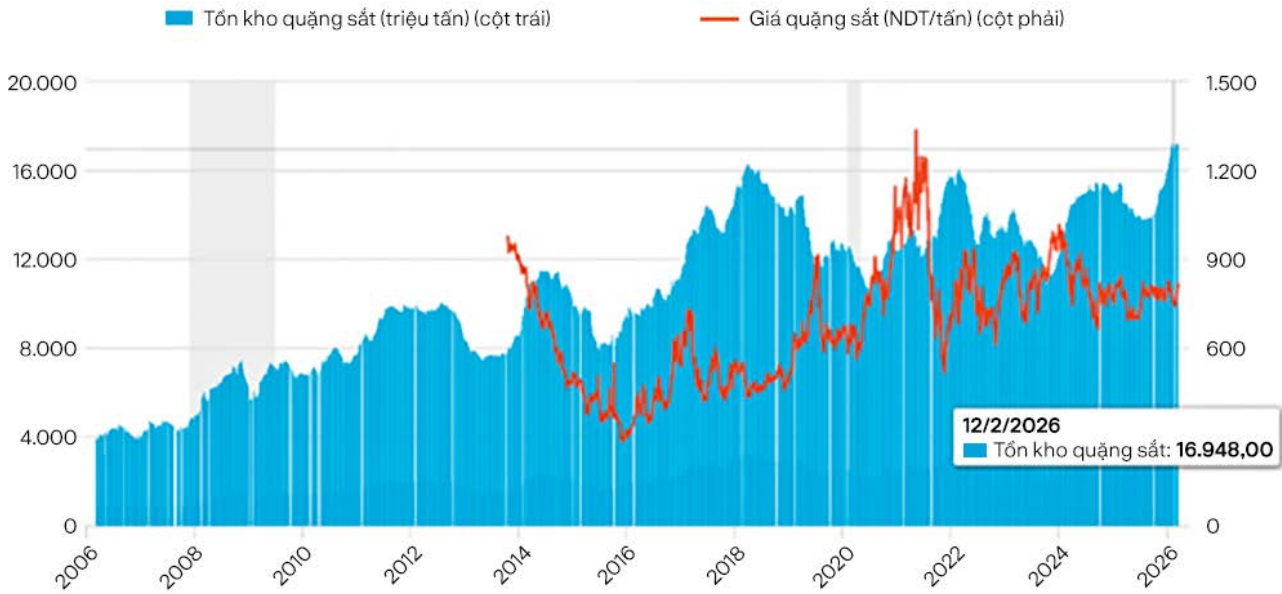
Biểu đồ 3: Diễn biến xuất nhập khẩu thép thành phẩm của Trung Quốc

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: NBS.



Biểu đồ 4: Diễn biến tồn kho quặng sắt tại Trung Quốc tính đến ngày 12/3/2026

Đơn vị: nghìn tấn. Nguồn: MacroMicro.



3 Diễn biến giá

Tính đến ngày 19/3/2026, giá thép thanh kỳ hạn tháng 4 trên sàn Thượng Hải ghi nhận 3.130 nhân dân tệ/tấn, tăng nhẹ 0,8% so với đầu năm.

Diễn biến giá thép thanh và quặng sắt trong thời gian qua đều cho thấy sự biến động theo hai giai đoạn rõ rệt.

Trong tháng 2/2026, giá quặng sắt duy trì ở mức thấp, dao động quanh 100 USD/tấn do nhu cầu suy yếu sau giai đoạn tích trữ trước Tết Nguyên đán. Bước sang tháng 3/2026, giá phục hồi lên khoảng 107–108 USD mỗi tấn vào giữa tháng, tương đương mức tăng khoảng 7–8% so với tháng trước. Trước đó, giá đã giảm từ khoảng 108,9 USD mỗi tấn vào giữa tháng 1 xuống còn khoảng 98,2 USD mỗi tấn vào cuối tháng 2 trước khi bật tăng trở lại.

Động lực chính của đợt tăng giá trong tháng 3 không đến từ sự cải thiện mạnh của cung và cầu cơ bản mà chủ yếu xuất phát từ yếu tố kỳ vọng và rủi ro. Các tín hiệu chính sách từ Trung Quốc, bao gồm mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 4,5–5% và kế hoạch tăng chi tiêu

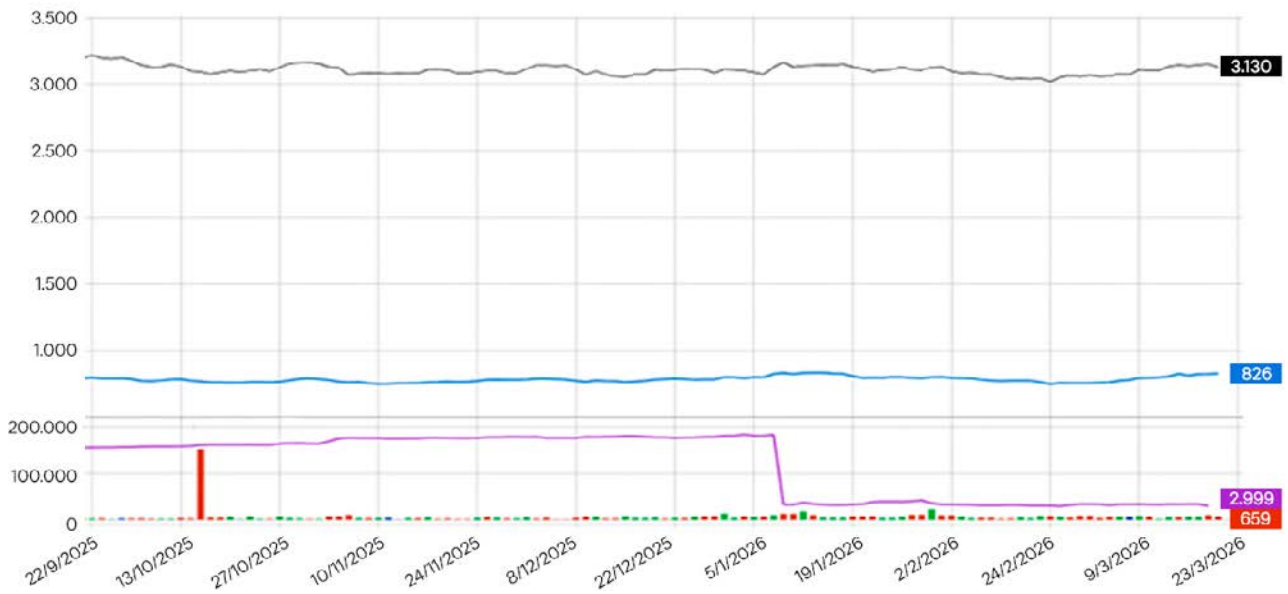
công, đã hỗ trợ tâm lý thị trường. Đồng thời, căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông làm gia tăng chi phí vận tải và năng lượng, qua đó tạo thêm áp lực tăng giá đối với quặng sắt. Ngoài ra, các lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung cũng góp phần hỗ trợ giá trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, các yếu tố cơ bản của thị trường vẫn chưa thực sự vững chắc. Tồn kho quặng sắt tại cảng đang ở mức rất cao, biên lợi nhuận của các nhà máy thép vẫn thấp, trong khi tồn kho thép thành phẩm còn lớn và nhu cầu phục hồi chậm, đặc biệt từ lĩnh vực bất động sản. Do đó, đà tăng giá trong tháng 3 được đánh giá chủ yếu là sự phục hồi mang tính kỹ thuật so với tháng trước, thay vì là dấu hiệu của một chu kỳ tăng trưởng bền vững.

Trong ngắn hạn, triển vọng thị trường có thể cải thiện khi bước vào mùa xây dựng cao điểm, với nhu cầu thép tăng so với giai đoạn hai tháng đầu năm và được hỗ trợ bởi đầu tư vào hạ tầng và sản xuất. Tuy nhiên, các rủi ro vẫn tồn tại, bao gồm sự suy yếu kéo dài của thị trường bất động sản, chính sách kiểm soát sản lượng của chính phủ và các yếu tố bất ổn địa chính trị có thể ảnh hưởng đến thương mại cũng như chi phí vận chuyển (**Biểu đồ 5**). ■

Biểu đồ 5: Diễn biến giá thép thanh (đường đen) và quặng sắt kỳ (đường xanh) hạn tháng 4/2026 trên Sàn Thương Hải (SHFE)

Đơn vị: NDT/tấn. Nguồn: Barchart.



Phần III: THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM

Thị trường thép Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2026 ghi nhận sự tăng trưởng tích cực về sản lượng sản xuất và bán hàng so với cùng kỳ năm 2025, bất chấp kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài làm chậm nhịp độ trong tháng 2. Sản xuất thép thành phẩm đạt hơn 5,4 triệu tấn, tăng 22%. Tuy nhiên, thị trường bắt đầu đối mặt với áp lực lớn từ giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh do xung đột tại Trung Đông từ cuối tháng 2.

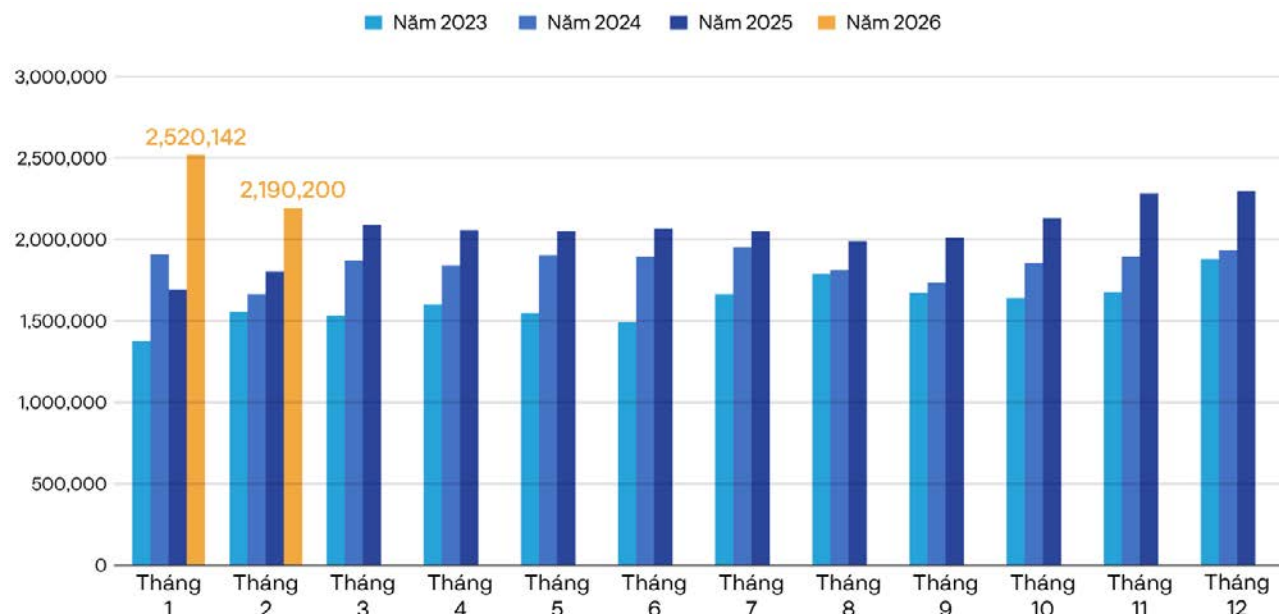
1 Nguồn cung

a. Sản xuất trong nước

Sản xuất thép thô trong 2 tháng đầu năm đạt **4,71 triệu tấn**, tăng mạnh **35,5%** so với cùng kỳ 2025 (**Biểu đồ 6**).

Biểu đồ 6: Sản xuất thép thô năm 2023 - 2026

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu tổng hợp báo cáo của các thành viên VSA tháng 2/2026.



Đối với thép thành phẩm, tổng sản lượng hai tháng đầu năm đạt **5,427 triệu tấn, tăng 22%**. Trong đó, thép xây dựng đạt tăng trưởng ấn tượng nhất với mức tăng 38%, theo sau là thép cán nóng (HRC) tăng 49%. Ngược lại, nhóm tôn mạ và thép cán nguội (CRC) ghi nhận sự sụt giảm lần lượt là 18% và 14%.

Tính riêng tháng 2, sản lượng thép thành phẩm đạt **2,628 triệu tấn**, mặc dù giảm 6,02% so với tháng 1 nhưng vẫn **tăng 22,1%** so với cùng kỳ tháng 2/2025. Thép xây dựng và thép HRC tăng trưởng mạnh nhất lần lượt **41%** và **67%** (**Bảng 3, Biểu đồ 7**).

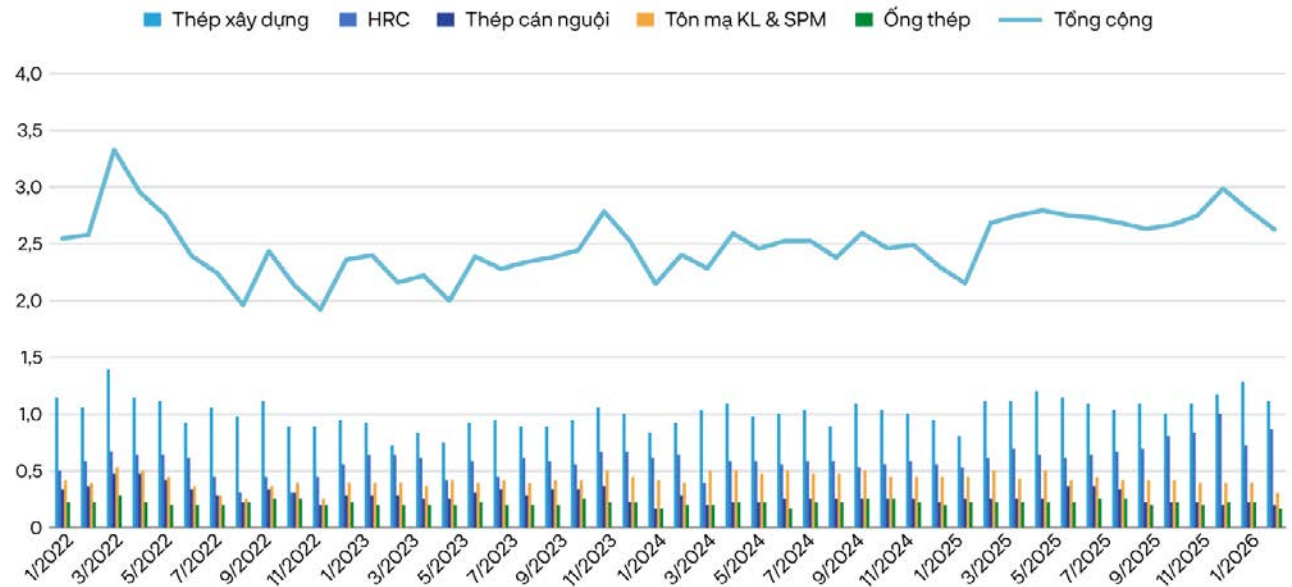
Bảng 3: Sản lượng thép thành phẩm trong tháng 2/2026

Nguồn: VSA.

	Tháng 2/2026	
	Sản lượng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	1.110.860	▲ 41%
Thép cán nóng (HRC)	861.810	▲ 67%
Thép cán nguội (CRC)	171.046	▼ 24%
Tôn mạ	320.538	▼ 25%
Ống thép	164.541	▼ 18%
Tổng cộng	2.628.795	▲ 22%

Biểu đồ 7: Sản lượng thép thành phẩm từ 2022 đến tháng 2/2026

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: VSA.



b. Nhập khẩu

Việt Nam nhập khẩu khoảng **2,39 triệu tấn** thép trong 2 tháng đầu năm, trị giá hơn **1,7 tỷ USD**, giảm nhẹ 4,7% về lượng và 1,2% về giá trị so với cùng kỳ. **Trung Quốc** tiếp tục là nhà cung cấp lớn nhất, chiếm **44,5%** tổng lượng nhập khẩu. Tiếp theo là khu vực ASEAN (18,15%) và Hàn Quốc (12,95%).

Tính riêng trong tháng 2, Việt Nam nhập khẩu 873.000 tấn thép, trị giá 680 triệu USD. Con số này giảm 44% về lượng và 35% so với cùng kỳ năm ngoái (**Bảng 4, Biểu đồ 8**).

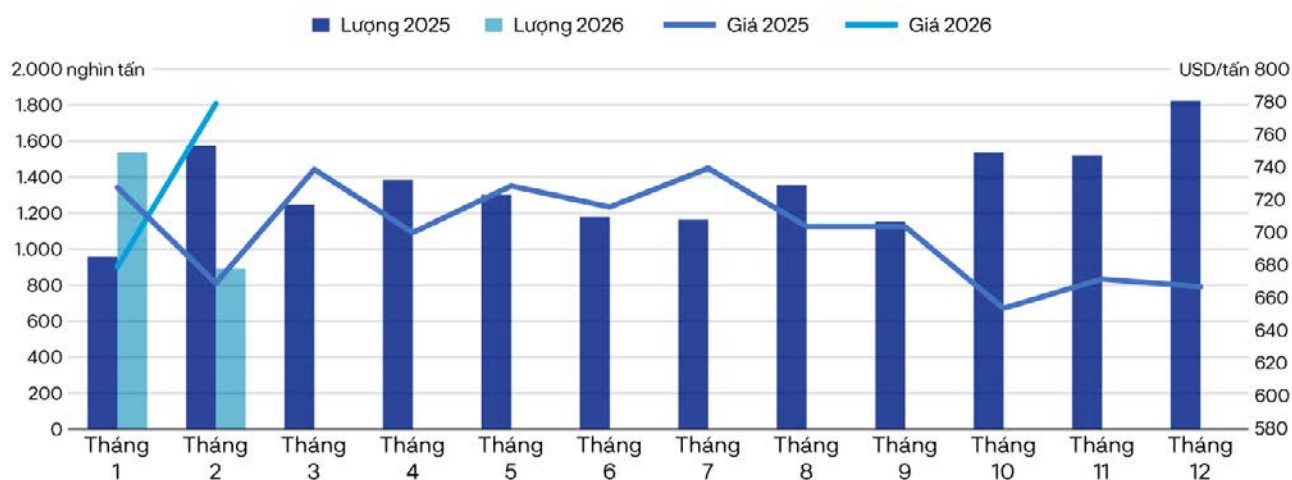
Bảng 4: Top 10 quốc gia cung cấp thép cho Việt Nam

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA.

Thị trường	2 tháng năm 2026		Tỷ trọng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	2.393.376	1.713.005	100,00%	100,00%
Trung Quốc	1.065.486	693.885	44,52%	40,51%
ASEAN	434.422	422.366	18,15%	24,66%
Hàn Quốc	310.041	220.429	12,95%	12,87%
Nhật Bản	256.415	179.446	10,71%	10,48%
Ấn Độ	174.299	90.229	7,28%	5,27%
Đài Loan	132.127	83.780	5,52%	4,89%
EU	12.953	16.826	0,54%	0,98%
Australia	3.504	1.475	0,15%	0,09%
Nam Phi	610	281	0,03%	0,02%
Hoa Kỳ	408	2.272	0,02%	0,13%

Biểu đồ 8: Diễn biến giá và lượng nhập khẩu thép của Việt Nam 2025-2026

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA.



c. Tiêu thụ

Bán hàng thép thành phẩm 2 tháng đầu năm đạt **5,26 triệu tấn**, tăng **17,4%** so với cùng kỳ năm ngoái.

Thép xây dựng: Tiêu thụ tăng đột biến **39%**, đạt hơn **2,47 triệu tấn**. Đáng chú ý, thị trường nội địa chiếm tới 91% tỷ trọng tiêu thụ thép xây dựng, tăng trưởng **52%** so với cùng kỳ nhờ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và các dự án hạ tầng.

HRC: Bán hàng đạt **1,44 triệu tấn**, tăng **37,3%** so với cùng kỳ.

Xét riêng trong tháng 2, tổng lượng bán hàng thép thành phẩm đạt **2,316 triệu tấn**, giảm 21,13% so với tháng 1 và giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Thép xây dựng: Đạt **981.489 tấn**, giảm 34% so với tháng 1 do các công trình tạm dừng thi công trong dịp Tết và giảm 4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tôn mạ: Đạt **280.546 tấn**, giảm 17% so với tháng 1 và giảm mạnh 33,7% so với cùng kỳ năm 2025.

HRC: Là điểm sáng hiếm hoi khi sản lượng bán hàng đạt **726.085 tấn**, vẫn **tăng nhẹ 1,11%** so với tháng 1 và tăng 45,8% so với cùng kỳ.

Ống thép: Bán hàng đạt **182.089 tấn**, giảm 20,01% so với tháng trước và giảm 23,5% so với cùng kỳ năm ngoái (**Bảng 5, Biểu đồ 9**).

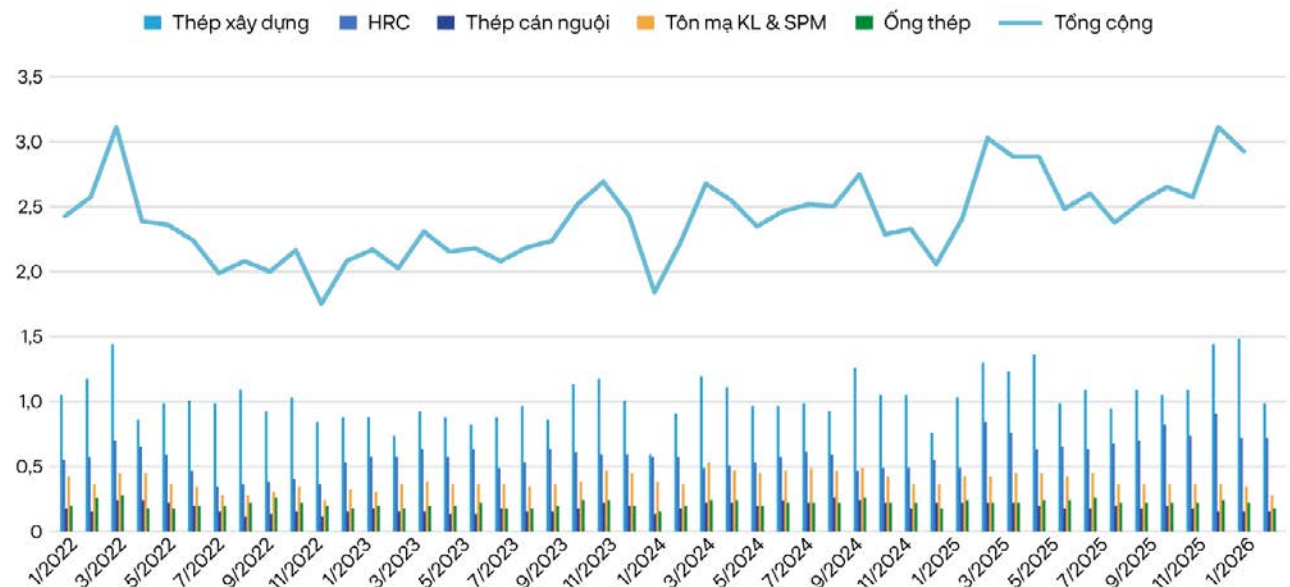
Bảng 5: Bán hàng thép thành phẩm trong tháng 2/2026

Nguồn: VSA.

	Tháng 2/2026	
	Bán hàng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	981.489	▼ 4,0%
Thép cán nóng (HRC)	726.085	▲ 45,8%
Thép cán nguội (CRC)	146.093	▼ 34,6%
Tôn mạ	280.546	▼ 33,7%
Ống thép	182.089	▼ 23,5%
Tổng cộng	2.316.302	▼ 3,7%

Biểu đồ 9: Tiêu thụ thép thành phẩm từ 2022 đến tháng 2/2026

Nguồn: Số liệu tổng hợp báo cáo của các thành viên VSA.



Tổng lượng xuất khẩu thép 2 tháng đạt hơn **1,9 triệu tấn**, tăng **9%** về lượng và đạt giá trị **1,165 tỷ USD** (+1,85%). Riêng trong tháng 2, Việt Nam xuất khẩu 835.000 tấn, trị giá 515 triệu USD, giảm 23% về lượng và 21% về giá trị so với tháng trước; và so với cùng kỳ năm 2025 thì vẫn giữ được nhịp độ xuất khẩu về lượng nhưng trị giá xuất khẩu giảm 4%.

Thị trường chính trong hai tháng đầu năm: Khu vực **ASEAN** dẫn đầu (34,5%), tiếp theo là **Hoa Kỳ** (18,8%) và **EU** (17,1%)

(**Biểu đồ 10, Bảng 6**).

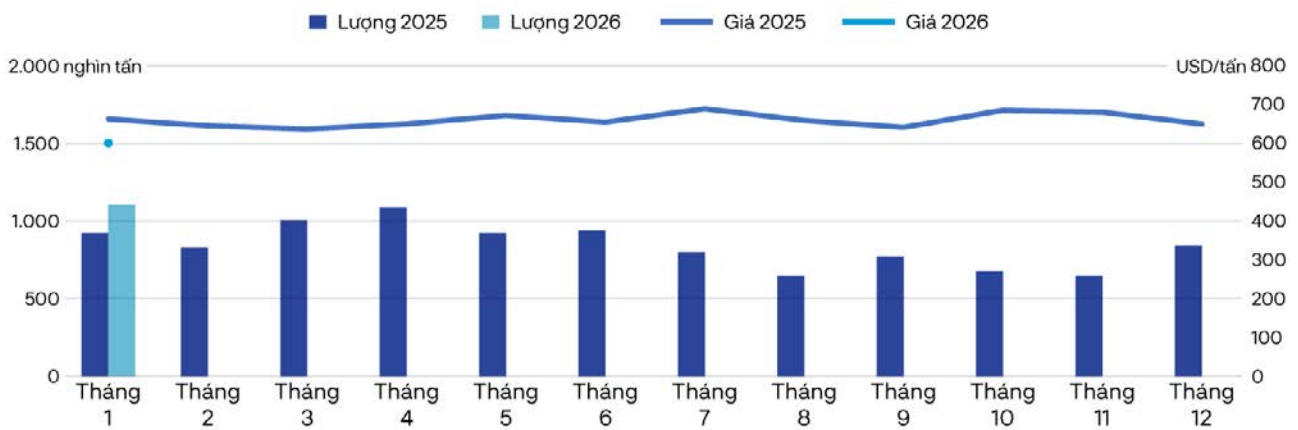
d. Xuất khẩu

Tính riêng thép thành phẩm, xuất khẩu trong tháng 2 đạt 392.533 tấn, ghi nhận mức tăng 7,52% so với tháng 1 nhưng vẫn giảm 13,9% so với cùng kỳ năm 2025.

Tuy nhiên, xuất khẩu thép HRC và CRC ghi nhận tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái (**Bảng 7**).

Biểu đồ 10: Diễn biến giá và lượng xuất khẩu thép của Việt Nam 2025-2026

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA.



Bảng 6: Sản lượng thép thành phẩm trong tháng 8 và 8 tháng năm 2025

Nguồn: VSA.

Thị trường	2 tháng năm 2026		Tỷ trọng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	1.918.297	1.165.001	100,00%	100,00%
ASEAN	662.258	376.226	34,52%	32,29%
Hoa Kỳ	360.093	192.069	18,77%	16,49%
EU	328.077	194.672	17,10%	16,71%
Ấn Độ	127.364	133.145	6,64%	11,43%
Thổ Nhĩ Kỳ	79.069	37.182	4,12%	3,19%
Đài Loan	64.577	38.637	3,37%	3,32%
Brazil	51.100	30.030	2,66%	2,58%
Australia	28.100	19.787	1,46%	1,70%
Hàn Quốc	27.966	19.421	1,46%	1,67%
Nhật Bản	9.769	12.059	0,51%	1,04%

Bảng 7: Xuất khẩu thép thành phẩm trong tháng 2/2026

Nguồn: VSA.

	Tháng 2/2026	
	Xuất khẩu (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	124.907	▼ 21%
Thép cán nóng (HRC)	102.754	▲ 13%
Thép cán nguội (CRC)	51.944	▲ 46%
Tôn mạ	89.448	▼ 38%
Ống thép	23.480	▼ 17%
Tổng cộng	392.533	▼ 14%

2 Diễn biến giá

Giá nguyên liệu thép

Nhìn chung, trong khi giá quặng sắt có xu hướng hạ nhiệt, thì chi phí cho **than luyện cốc và thép phế nội địa** tăng đáng kể, gây áp lực lên chi phí sản xuất của các doanh nghiệp trong tháng 2

Quặng sắt loại 62%Fe: Giá giao dịch trung bình trong tháng 2/2026 ở mức 102,1 USD/tấn, ghi nhận mức giảm 5,2% so với tháng trước và giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2025.

Than mỡ luyện coke: Đây là mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh nhất. Giá than cốc trung bình tháng 2/2026 đạt 250,1 USD/tấn, tăng 10,7% so với tháng trước và tăng tới 32,8% so với cùng kỳ năm 2025.

Thép phế liệu:

- **Thị trường nội địa:** Giá thép phế trong tháng 2/2026 có xu hướng tăng từ 200 - 300 VNĐ/kg, dao động trong khoảng 8.800 đến 9.900 VNĐ/kg.

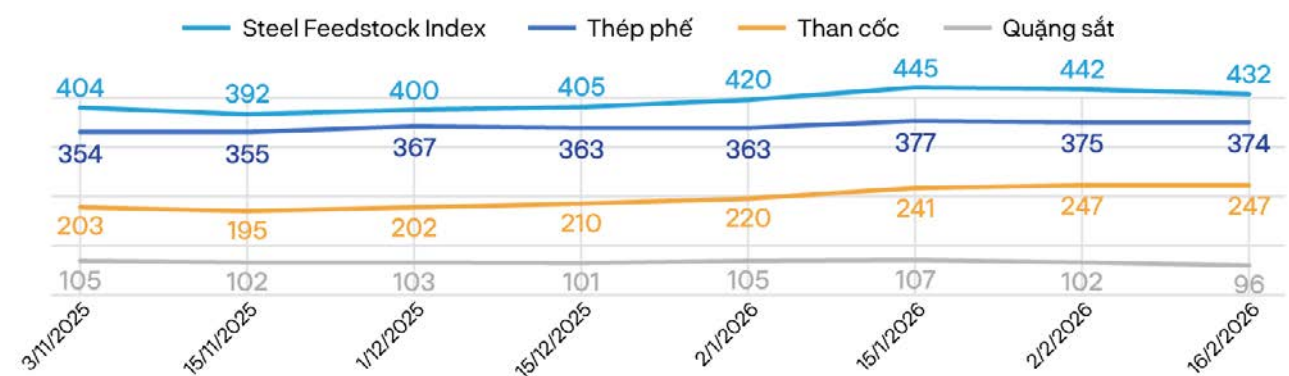
- **Thị trường nhập khẩu:** Giá thép phế liệu (loại HMS1/2 80:20) bình quân đạt 355,8 USD/tấn, tăng nhẹ 1,2% so với tháng 1/2026 nhưng vẫn giảm 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái,.

Phôi thép: Giá phôi thép trung bình (CFR Đông Nam Á) trong tháng 2 là 463,1 USD/tấn. Tại thị trường nội địa, giá phôi thép giữ mức 12.450 VNĐ/kg đến 12.850 VNĐ/kg vào đầu tháng 2/2026, tăng khoảng 200 - 300 VNĐ/kg so với trước đó.

Điện cực Graphite (GE): Mức giá cho loại UHP450 (thường dùng trong sản xuất thép) dao động trong khoảng 2.900 - 3.000 USD/tấn CFR Đà Nẵng (**Biểu đồ 11, Bảng 8**).

Biểu đồ 11: Biểu đồ giá nguyên liệu sản xuất thép tại các thị trường

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: ASN tháng 2/2026.



Bảng 8: Giá bình quân các loại nguyên liệu thép

Nguồn: VNSTEEL tổng hợp tháng 3/2026.

Mặt hàng	BQ 2/2025	BQ 3/2025	BQ 2/2026	BQ 3/2026	So sánh 3/2026 với 2/2026	So sánh 3/2026 với 3/2025	Giá hiện tại
Quặng sắt 62% Fe CFR Bắc TQ	106,2	101,4	102,1	103,8	▲ 1,6%	▲ 2,3%	107,8
Thép mờ PLV HCC - FOB Úc	188,3	175,2	250,1	219,0	▼ 12,4%	▲ 25,0%	219,0
Thép phế HMS1/2 80:20 - CFR VN	362,5	367,5	355,8	370,0	▲ 4,0%	▲ 0,7%	370,0
Phôi thép - CFR ĐNÁ	464,4	462,5	463,1	472,8	▲ 2,1%	▲ 2,2%	486,0
HRC 2mm CFR VN	491,3	495,6	508,2	510,0	▲ 0,4%	▲ 2,9%	513,0

Giá thép thành phẩm

Thép cán nóng (HRC): Giá HRC bình quân trong tháng 2/2026 đạt 508,2 USD/tấn. Mức giá này ghi nhận sự gia tăng khoảng 3,4% đến 3,5% so với cùng kỳ tháng 2 năm 2025. Sự biến động này diễn ra trong bối cảnh thị trường HRC thế giới có nhiều xáo trộn, gây khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất thép hạ nguồn (như tôn mạ, ống thép) khi phải sử dụng HRC làm nguyên liệu đầu vào (**Biểu đồ 12**).

Thép xây dựng: Trong tháng 2, trước áp lực biến động giá nguyên liệu đầu vào, các nhà sản xuất thép xây dựng tại Việt Nam đã nỗ lực duy trì sự ổn định của giá bán và thực hiện các điều chỉnh giá một cách từ tốn để cân đối chi phí. Mặc dù sản lượng bán hàng trong tháng giảm do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, các

nhà sản xuất vẫn chuẩn bị cho các đợt điều chỉnh giá tiếp theo dựa trên tình hình kê khai giá thép theo quy định (**Biểu đồ 13**).

Mức giá xuất - nhập khẩu bình quân:

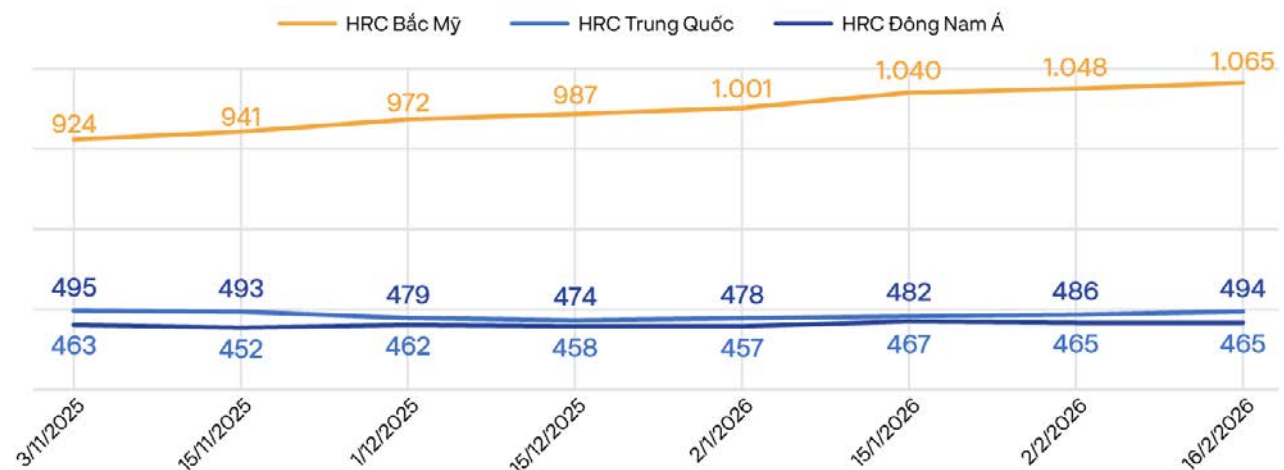
- **Giá nhập khẩu:** Mức giá thép thành phẩm nhập khẩu bình quân trong tháng 2/2026 dao động ở ngưỡng khoảng 780 USD/tấn.

- **Giá xuất khẩu:** Mức giá thép xuất khẩu bình quân của Việt Nam trong cùng giai đoạn đạt khoảng 620 USD/tấn.

Giá bán phôi thép nội địa: Dù là bán thành phẩm nhưng giá phôi thép cũng ghi nhận mức tăng từ **200 - 300 VNĐ/kg** vào đầu tháng 2/2026, giữ mức dao động từ **12.450 VNĐ/kg đến 12.850 VNĐ/kg**.

Biểu đồ 12: Tổng hợp giá HRC tại các thị trường năm 2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Australia News tháng 2/2026.



Biểu đồ 13: Diễn biến giá thép CB240 trong nước

Đơn vị: nghìn đồng/kg. Nguồn: Steelonline.



3 Dự báo

Ngành thép Việt Nam được dự báo sẽ duy trì đà hồi phục với mức tăng trưởng từ 8% đến 10% trong năm 2026. Nhu cầu tiêu thụ nội địa vẫn là động lực tăng trưởng chính, dự kiến sẽ giữ được nhịp độ tốt và kéo dài hết quý I/2026.

Trong ngắn hạn, giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 5 được kỳ vọng là thời điểm tiêu thụ tốt nhất trong năm khi các công trình bước vào giai đoạn thi công thực tế trước mùa mưa. Bên cạnh đó, tâm lý tích trữ hàng hóa của các nhà phân phối khi giá có xu hướng tăng cũng sẽ góp phần duy trì sản lượng bán hàng ở mức cao.

Động lực từ đầu tư công và hạ tầng: Việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công với tổng kế hoạch năm 2026 lên tới khoảng 1,01 triệu tỷ đồng là yếu tố hỗ trợ then chốt cho thị trường, đặc biệt là mảng thép xây dựng. Các dự án hạ tầng chiến lược như 5.000 km đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao và các tuyến đường sắt đô thị sẽ tạo ra nhu cầu tiêu thụ thép rất lớn trong trung và dài hạn. Nếu Chính phủ quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số, tiêu thụ thép sẽ bứt phá tương ứng.

Áp lực giá bán và rủi ro chi phí đầu vào: Thị trường thép quý II/2026 dự báo sẽ có nhiều biến động khó lường do bị “bủa vây” bởi chi phí.

Giá thép xây dựng: Trước đà tăng mạnh của nguyên liệu đầu vào (quặng sắt, than coke, thép phế tăng từ 7-9% trong tháng 3) và chi phí logistics leo thang do giá dầu thế giới phức tạp, giá thép nội địa có thể sớm chạm mốc 16 triệu đồng/tấn nếu căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông không hạ nhiệt.

Thị trường tôn mạ: Mặc dù giá có dấu hiệu phục hồi nhưng sẽ vẫn chịu sức ép dư cung lớn. Do sự mất cân đối cung - cầu và rào cản phòng vệ thương mại tại các thị trường xuất khẩu, giá tôn mạ nếu có tăng theo nguyên liệu đầu vào thì mức độ tăng cũng sẽ hạn chế hơn so với thép xây dựng.

Các yếu tố bất định cần theo dõi: Diễn biến thị trường thời gian tới phụ thuộc chặt chẽ vào căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ - Iran và xung đột Trung Đông. Nếu xung đột leo thang đẩy giá dầu tăng cao, chi phí năng lượng và vận tải sẽ trực tiếp tạo áp lực lên giá thép trong nước. Ngược lại, nếu tình hình hạ nhiệt hoặc kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái, nhu cầu yếu sẽ khiến giá thép chững lại hoặc điều chỉnh giảm theo xu hướng thế giới. Ngoài ra, chính sách tiền tệ và lãi suất cũng là biến số cần quan sát để đánh giá khả năng hấp thụ của thị trường bất động sản. ■

Phần IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Xung đột tại Trung Đông dự báo có thể tác động tiêu cực đến doanh nghiệp thép thông qua việc đẩy giá nguyên liệu tăng cao, chi phí vận tải biển tăng vọt do bất ổn tại Eo biển Hormuz, và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này làm tăng chi phí sản xuất, gây áp lực đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tin hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành

Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG)



Tập đoàn Hòa Phát cho biết trong ngày làm việc đầu tiên sau Tết (23/2), doanh nghiệp ghi nhận sản lượng bán hàng kỷ lục 25.000 tấn thép xây dựng, thép chất lượng cao, ống thép.

Các Nghị quyết của Đảng xác định mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đến năm 2030 trở thành nước có thu nhập trung bình cao, có nền công nghiệp, hạ tầng giao thông đô thị hiện đại.

Từ định hướng trên, hàng loạt dự án đầu tư công quy mô lớn khắp cả nước được đẩy mạnh triển khai như các tuyến cao tốc Bắc - Nam, sân bay quốc tế Long Thành, sân bay quốc tế Gia Bình, các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP HCM, Khu đô thị thể thao Olympic, các dự án nhà ở xã hội, khu đô thị đa mục tiêu...

Hòa Phát nhận định nhu cầu thép cho xây dựng các công trình hạ tầng, giao thông, đô

thị là rất lớn. Doanh nghiệp cho biết nhiều đơn hàng được triển khai cấp tập ngay những ngày đầu Xuân mới.

Ông Kiều Chí Công - Giám đốc Thép Hòa Phát Hưng Yên cho biết, với nhu cầu xây dựng tăng cao, năm nay sẽ đánh dấu mức tăng trưởng mạnh vượt bậc của ngành thép.

Hòa Phát sẽ đẩy mạnh khai thác tối đa công suất các nhà máy. Trong đó, năm 2026 Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất sẽ hoạt động đầy đủ công suất 12 triệu tấn thép/năm.

Cập nhật về tình hình các dự án, Tập đoàn Hòa Phát đã thông báo hoàn thành đồng bộ thiết bị và chính thức đưa Nhà máy ống thép Hòa Phát Long An vào vận hành từ tháng 1/2026, đánh dấu bước mở rộng sản xuất trong nước cũng như xuất khẩu.

Nhà máy này đặt tại tỉnh Tây Ninh (Long An cũ), là cửa ngõ kết nối TP HCM và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Công suất thiết kế 400.000 tấn/năm do CTCP Sản phẩm thép Hòa Phát Long An triển khai.

Tổng mức đầu tư của dự án là 2.600 tỷ đồng, nằm trên diện tích 15 ha, chia thành 2 giai đoạn. Trong đó giai đoạn 1 hoàn thành vào tháng 12/2025.

Đến tháng 1/2026, Nhà máy chính thức hoàn thiện 100%, toàn bộ dây chuyền sản xuất được đưa vào vận hành đồng bộ.

Ông Nguyễn Văn Tuấn, Giám đốc CTCP Sản phẩm Thép Hòa Phát Long An cho biết nhà máy đi vào hoạt động là bước đi chiến lược để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của thị trường phía Nam và xuất khẩu.

Nhà máy chuyên sản xuất các dòng ống thép phục vụ xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật như ống thép đen, ống thép tôn mạ kẽm, ống thép mạ kẽm nhúng nóng, thép cuộn tôn mạ kẽm và đặc biệt các sản phẩm ống thép có kích thước siêu lớn.

Hiện sản phẩm của CTCP Sản phẩm Thép Hòa Phát Long An được sử dụng tại nhiều dự án trọng điểm như: Sân bay Long Thành; Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất; dự án mở rộng Sân bay Phú Quốc; Sân bay Quảng Trị; Trung tâm Hội nghị APEC Phú Quốc; dự án ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật TP Rạch Giá; Cầu đi bộ Sài Gòn...

Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG)



Ngày 7/3, Hoa Sen đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong niên độ 2026 (từ 1/10/2025 - 30/9/2025), tập đoàn đề ra mục tiêu sản lượng 1,75-1,85 triệu tấn sản phẩm. Doanh thu 35.000-37.000 tỷ, ở mức trung bình so với niên độ trước. Mục tiêu lợi nhuận 500-600 tỷ đồng, thấp hơn so với con số 735 tỷ đồng cùng kỳ.

Tại buổi họp, Chủ tịch Lê Phước Vũ cho biết hệ thống Hoa Sen Home là tương lai của Hoa Sen, cổ đông HSG sẽ chính là cổ đông Hoa Sen Home. “Tương lai Hoa Sen Home không còn là công ty con bởi sẽ lớn rất nhanh, doanh thu và lợi nhuận, quy mô đều sẽ vượt qua Hoa Sen Group hiện nay, chắc chắn như vậy”, theo ông Vũ.

Vị này lưu ý rằng trong giai đoạn đầu, Hoa Sen Home vẫn sẽ là công ty con của Hoa Sen Group để đảm bảo lộ trình ổn định và mang tính kế thừa. Song sẽ có sự chia tách trong những năm tới, khi đó Hoa Sen Group chỉ còn đóng vai trò nhà đầu tư tài chính.

Lộ trình chung được nhấn mạnh là sẽ tăng vốn từ 1.000 tỷ lên 3.000 tỷ, tiếp tục phát hành cho cán bộ công nhân viên thêm 300 tỷ và sau đó có lộ trình tăng tiếp lên 5.000-10.000 tỷ đồng để hướng đến mục tiêu IPO.

Vai trò chung bao gồm Hoa Sen Group là nhà sản xuất tôn thép và Hoa Sen Home là nhà phân phối vật liệu xây dựng, nội thất. Hai công ty này trong tương lai sẽ hoạt động song song, thay vì mô hình công ty mẹ - công ty con.

Đồng thời lãnh đạo cũng tiết lộ Hoa Sen Group đang có gần 5.000 tỷ đồng lợi nhuận chưa phân phối; trong đó tập đoàn dự kiến chia cổ tức 30% bằng cổ phiếu (giá trị gần 2.000 tỷ) nên sẽ còn hơn 3.000 tỷ đồng chưa chia.

Ông Vũ mong muốn phần lợi nhuận còn lại này sẽ được chia toàn bộ bằng tiền mặt cho cổ đông, để cổ đông lấy phần tiền mặt mua cổ phiếu Hoa Sen Home, đó là cách chia tách công ty, là cách để cổ đông HSG hiện hữu trở thành cổ đông Hoa Sen Home.

Mặc dù nhấn mạnh tương lai của Hoa Sen là Hoa Sen Home, ông Vũ khẳng định mảng sản xuất tôn thép vẫn trong nhóm dẫn đầu thị trường, tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt trong nhiều năm nữa nhờ thương hiệu và hệ thống phân phối. Tập đoàn này hiện có công suất 2 triệu tấn và có khả năng mở rộng lên 2,5-3 triệu tấn. Hoa Sen hiện dẫn đầu về mảng tôn và đứng thứ hai mảng thép trong nước, đây vẫn là mảng đóng góp lợi nhuận chủ lực.

“Đối với tôn thép thì tôi nghĩ tới là phòng rồi (trần nhà). Trước đây tập đoàn tranh thủ vươn lên trong thời gian rất ngắn nhưng đến giờ thì xu thế bảo hộ đã rõ ràng, làn sóng chống bán phá giá lan cả thế giới nên mở rộng không phải là khôn ngoan, nếu làm phải ở mảng thương mại như phôi và thép cán nóng”, ông Vũ nói, song đề cập một số nhà sản xuất thép thương mại trong nước cũng đang không hoạt động hiệu quả.

Do đó, lãnh đạo doanh nghiệp cho rằng nên duy trì sản lượng hiện nay, với trên dưới 2 triệu tấn/năm. Tập đoàn hiện nay bán 90.000 tấn/tháng và 2-3 năm tới có thể tiêu thụ 100.000 tấn tại nội địa; hoạt động xuất khẩu đạt khoảng 40-50.000 tấn/năm cũng là “trong tầm tay”.

Dây chuyền sản xuất đã được đầu tư từ khoảng năm 2021 và đang được cải tạo nâng cấp, Hoa Sen đã đầu tư công nghệ tự động, robot, mua lại máy mới với công nghệ cao hơn, hiện toàn bộ bộ phận đóng gói đã hoạt động tự động.

CTCP Thép Nam Kim (Mã: NKG)



Hội đồng quản trị Thép Nam Kim vừa thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Phong giữ chức Phó Tổng giám đốc từ ngày 20/3/2026.

Tính đến cuối năm 2025, ban điều hành Thép Nam Kim có 7 thành viên gồm Tổng giám đốc Võ Hoàng Vũ; Phó Tổng giám đốc thường trực là ông Nguyễn Vinh An; các Phó Tổng giám đốc khác gồm ông Quản Trọng Lăng, bà Trần Ngọc Diệu (phụ trách Tài chính), bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, ông Lê Minh Hải và ông Nguyễn Hữu Hạnh.

Thép Nam Kim đã hoàn tất chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội vào ngày 19/3. Sự kiện dự kiến tổ chức ngày 24/4 tại Khách sạn Tân Sơn Nhất, Sảnh Topaz, Số 202 Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Đức Nhuận, TP HCM. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)
Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel)
Bộ Công Thương
Mysteel
Platts

Chứng khoán VCBS
Fitch Ratings
Investing.com
VNSteel

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép tháng 2/2026” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường thép tháng 11/2025
- Báo cáo thị trường thép năm 2025
- Báo cáo thị trường thép tháng 1/2026

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Phạm Mơ, Hoàng Kiều, Lan Hương**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

Hotline: 0938.1892224

Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP